

Bản án số: 386/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Thu Hương
- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 953/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 721/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 29/16 đường Y, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Bùi Bích H, sinh năm 1970

Địa chỉ: 29/16 đường Y, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 08/11/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Nguyễn Mạnh T trình bày: Ông và bà Bùi Bích Hạnh tự nguyện kết hôn năm 1993 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 015 do UBND thị trấn G, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/01/1993). Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt nên từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân. Năm 2019, ông đã làm đơn xin ly hôn với bà H nhưng bà H không có thiện chí để giải quyết, hồ sơ kéo dài nên năm 2022 ông đã rút đơn. Từ khi rút đơn ly hôn đến nay tình trạng mâu thuẫn của ông và bà H không cải thiện, không thể cùng nhau nói chuyện, trao đổi với nhau được nên ông nộp đơn lần 2 yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Thành N, sinh năm 1994 và Nguyễn Khánh L, sinh năm 1999. Hai con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho Bị đơn - bà Bùi Bích H để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt.

Ngày 07/01/2024 Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận được Bản trình bày ý kiến đề ngày 01/12/2023 của bà H, nội dung: “Tôi và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Gia Lâm, nay là phường U, quận Long Biên, Hà Nội ngày 28/01/1993. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2002 đôi khi cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn là bất đồng về một số quan điểm, cách nuôi dạy con cái, đối xử với gia đình họ hàng hai bên và do áp lực công việc dẫn đến tính cách đôi khi nóng nảy tranh luận cãi vã lẫn nhau.

Vì hạnh phúc gia đình nên tôi nhẫn nhịn để cùng nhau nuôi dạy con cái, đối xử tốt với gia đình họ hàng hai bên chu đáo. Tôi không hiểu từ đầu năm 2018 anh Tân đi làm về xong về quê nhà anh ấy và đi không về nhà ở số 29/16 Y, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đã tìm hiểu và được biết anh T ra sống bên ngoài để tiện cho việc riêng của anh ấy, tôi đã tìm hiểu để xem anh T làm chuyện gì với gia đình vợ con. Tự nhiên đầu tháng 5/2019 thì tôi bàng hoàng nhận được giấy triệu tập của Tòa án quận Tân Bình với tư cách là bị đơn trong vụ án dân sự ly hôn với nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh T. Thêm nữa trong thời gian

dài dài dịch bệnh covid, tôi phải cách ly, nghỉ không hưởng lương và mẹ đẻ tôi đã qua đời, mọi thứ đang rất khó khăn. Một đứa con còn đang đi học, để nuôi dạy con cái nên người, cuộc sống vợ chồng gia đình còn rất nhiều điều cần giải quyết và tài sản chưa giải quyết được nên tôi chưa đồng ý ly hôn”.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – ông Nguyễn Mạnh T trình bày: Ông và bà H kết hôn từ năm 1993, thời gian chung sống không hạnh phúc, từ năm 2011 vợ chồng ly thân nhưng vẫn sống chung nhà, từ năm 2018 thì không còn sống chung nhà nữa. Năm 2019 ông đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn, hiện tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H, hai con chung đã trưởng thành. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông và bà H không có nợ chung.

Bị đơn – bà Bùi Bích H trình bày: Ông Tân trình bày ly thân từ năm 2011 là không chính xác, quá trình chung sống hai bên thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau, từ năm 2018 đến nay vợ chồng ly thân là do ông T tự ý ra ngoài không muốn sống chung. Bà chưa đồng ý ly hôn do hai bên chưa thỏa thuận được phân tài sản chung, bà muốn Tòa án giải quyết phân tài sản cùng với việc ly hôn luôn, hai con chung đã trưởng thành, bà và ông T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn, do bà H cư trú tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông T có mặt, Bị đơn – bà H có mặt.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 015 do UBND thị trấn G, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/01/1993 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông T yêu cầu được ly hôn với bà H do quá trình chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà H thừa nhận vợ chồng thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau, từ năm 2018 đến nay đã ly thân nhưng chưa đồng ý ly hôn do chưa thỏa thuận được tài sản chung.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông T, bà H đã có từ lâu và ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tôn trọng, yêu thương, tin tưởng nhau, bà H chưa đồng ý ly hôn là do chưa thỏa thuận được phần tài sản chứ không phải chưa đồng ý ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trước lần làm đơn ly hôn này ông T đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn nhưng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa ông T, bà H không cải thiện, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông T được ly hôn bà H để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 175 do UBND thị trấn G, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/6/1994 và bản sao trích lục khai sinh số: 518/TLKS-BS ngày 26/7/2017 của UBND Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì anh Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/6/1994 và chị Nguyễn Khánh L, sinh ngày 20/5/1999 là con chung của ông Nguyễn Mạnh T và bà Bùi Bích H. Anh N, chị L đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông T yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông T, bà H xác nhận không có.

[8] Xét Đơn đề nghị về việc yêu cầu giải quyết chia tài sản tại Tòa án ngày 15/01/2024 của bà Bùi Bích H.

Tòa án triệu tập bà H có mặt tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình để tự khai vào lúc 14 giờ 00 ngày 08/12/2023 và có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 15 giờ 00 ngày 08/12/2023, nhưng bà H không có mặt. Ngày 07/01/2024 Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận được Bản trình bày ý kiến đề ngày 01/12/2023 của bà H. Ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 721/2023/QĐXXST-HNGĐ để xét xử phiên tòa sơ thẩm vào lúc 08 giờ 00 ngày 26/01/2024. Ngày 24/01/2024, Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận được Đơn đề

ng nghị về việc yêu cầu giải quyết chia tài sản tại Tòa án đề ngày 15/01/2024 của bà H.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền yêu cầu phản tố của Bị đơn thì:

“1. Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

3. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”.

Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên thì bà H có quyền yêu cầu phản tố (yêu cầu tranh chấp tài sản chung) trước ngày 08/12/2023. Nên ngày 15/01/2024, bà H mới có yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án là không phù hợp quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết ở vụ án khác.

[9] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cản trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 3 Điều 200; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn Mạnh T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh T được ly hôn bà Bùi Bích H.

b. Về quan hệ con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Thành N, sinh năm 1994 và Nguyễn Khánh L, sinh năm 1999. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên sẽ giải quyết ở vụ án khác khi ông Nguyễn Mạnh T, bà Bùi Bích H yêu cầu.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Không xem xét giải quyết Đơn đề nghị về việc yêu cầu giải quyết chia tài sản tại Tòa án ngày 15/01/2024 của bà Bùi Bích H.

3/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Mạnh T chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Mạnh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0024062 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Mạnh T, bà Bùi Bích H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương